TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Quyết định giám đốc thẩm
Số: 48/2019/DS-GĐT
Ngày 06/9/2019
Về "*Tranh chấp quyền sử dụng đất*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

ỦY BAN THẨM PHÁN
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao gồm:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Kim Nhân.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Thanh Long và ông Lê Phước Thanh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Thị Hằng - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông Đoàn Ngọc Thanh - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 06/9/2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng mở phiên tòa giám đốc thẩm xét xử vụ án "*Tranh chấp quyền sử dụng đất*", giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Lê Thị L, sinh năm 1968; địa chỉ: Thôn F, xã E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

2. Bị đơn:

2.1. Bà Nguyễn Thị L, sinh năm: 1964;

2.2. Chị Lê Thị Ph, sinh năm 1992;

2.3. Anh Lê Văn N, sinh năm 1994;

2.4. Anh Lê Văn B, sinh năm 1995;

Cùng địa chỉ: Thôn J, xã E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ủy ban nhân dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; địa chỉ: L, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk;

3.2. Bà Phạm Thị Th, sinh năm 1931; địa chỉ: Xóm S, xã P, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh;

3.3. Ông Phan Xuân Ph, sinh năm 1964; địa chỉ: Thôn F, xã E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Ngày 17/12/2015 bà Lê Thị L có Đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân thành phố B, trình bày Bà (Lục) là em ruột của ông Lê Đăng S. Năm 1989, Bà và ông S

khi đó chưa ai lập gia đình có bỏ tiền nhận chuyển nhượng chung một thửa đất nông nghiệp (hiện nay đo đạc có diện tích 1.036m^2) tại thôn 2, xã E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Năm 1991 ông S kết hôn với bà Nguyễn Thị L và sau đó ông S, bà L canh tác trên thửa đất này nên đứng tên kê khai, được UBND thành phố B cấp *Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất* số 377681 do Ủy ban nhân dân thành phố B cấp ngày 29/3/2010 đứng tên *"hộ ông Lê Đăng S"*. Năm 2005, ông S, bà L ly hôn đều xác định diện tích 1.036m^2 đất, thửa đất số 38, tờ bản đồ số 4, tại thôn 2, xã E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk không phải là tài sản chung của vợ chồng nên không yêu cầu Tòa án chia đất, do đó tại Bản án hôn nhân và gia đình phúc thẩm số 07/2006/HNGĐPT ngày 07/4/2006, Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk chỉ giải quyết giao ông S được quyền sở hữu, sử dụng tài sản trên thửa đất số 38 này. Ngày 24/02/2011 ông S và bà L lập *Giấy xác nhận,* xác định hai bên mua chung thửa đất của ông Nguyễn Tài Th và thống nhất chia đôi, Giấy được Ủy ban nhân dân xã E chứng thực. Năm 2013, ông S chết, bà L và các con chiếm dụng thửa đất 38 này nên bà L đã yêu cầu chính quyền giải quyết, nhưng không thành.

Nay bà L khởi kiện yêu cầu Tòa án thành phố B giải quyết, buộc mẹ con bà L trả bà L ½ thửa đất. Ngày 24/12/2015, Tòa án thành phố B thụ lý vụ án *"Tranh chấp quyền sử dụng đất"* số thụ lý 594/2015/TLDS-DS. Ngày 28/9/2017, Tòa án nhân dân thành phố B ban hành Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự và trả lại đơn khởi kiện số 196/2017/QĐST-DS ngày 28/9/2017 (ngày 09/10/2017 ban hành Quyết định sửa chữa, bổ sung số 28/2017/QĐ-SCBSQĐ) với nhận định diện tích đất mà bà L khởi kiện tranh chấp với mẹ con bà L đã được giải quyết tại Bản án hôn nhân và gia đình phúc thẩm số 07/2006/HNGĐPT ngày 07/4/2006 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk nên quyết định: "*1. Đình chỉ giải quyết vụ án dân sự thụ lý số: 594/2015/TLST-DS ngày 24/12/2015 về việc "Tranh chấp quyền sử dụng đất", giữa: Nguyên đơn là bà Lê Thị L với bị đơn là bà Nguyễn Thị L, chị Lê Thị Ph, anh Lê Văn N, anh Lê Văn B và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là Ủy ban nhân dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, bà Phạm Thị Th, ông Phan Xuân Ph. 2. Hậu quả của việc đình chỉ giải quyết vụ án: Đương sự không được quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết lại vụ án dân sự mà Tòa án đình chỉ"*

- Ngày 10/4/2018, bà Lê Thị L có Đơn đề nghị Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm đối với Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự và trả lại đơn khởi kiện nêu trên.

- Tại Quyết định số 16/2019/KN-DS ngày 27/6/2019, Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm đối với Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự và trả lại đơn khởi kiện số 196/2017/QĐST - DS ngày 28/9/2017 của Tòa án nhân dân thành phố B; đề nghị Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử giám đốc thẩm hủy Quyết định đình

chỉ giải quyết vụ án dân sự và trả lại đơn khởi kiện nêu trên; giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk giải quyết sơ thẩm lại theo đúng quy định của pháp luật.

- Tại phiên tòa giám đốc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng chấp nhận kháng nghị của Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình giữa nguyên đơn là bà Nguyễn Thị L với bị đơn là ông Lê Đăng S mà Tòa án nhân dân thành phố B xét xử sơ thẩm tại bản án số 52/2005/HNGĐ-ST ngày 09/11/2005, Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm tại Bản án số 07/2006/HNGĐPT ngày 07/4/2006 thể hiện: *(i).* Tại ***Biên bản đối chất về tài sản*** ngày 05/10/2005, bà L trình bày *"...Riêng đất thổ cư để làm nhà diện tích 1.036m^2 tại thôn 2, xã E, Bmt là tài sản riêng của ông S mua trước khi xây dựng với tôi. Do vậy, tôi không yêu cầu chia đất thổ cư",* ông S trình bày *"Thưa về tài sản chung và tài riêng của tôi như cô L đã trình bày trên là đúng..."*(bút lục 61); *(ii).* Tại ***Biên bản hòa giải*** ngày 13/2/2006 ông S, bà L xác nhận: "*ts riêng có diện tích là 1.036m^2 và 1 giếng nước là có từ trước khi kết hôn…*" (bút lục 81).

[2]. Quyết định tại Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 52/2005/HNGĐ-ST ngày 09/11/2005 của Tòa án nhân dân thành phố B ghi: "*giao cho ông S được sở hữu: trị giá căn nhà, vật kiến trúc và cây trồng trên diện tích đất 1.036 m^2 tại thôn 2, xã E, thành phố B...".* Tại bản án hôn nhân và gia đình phúc thẩm số 07/2006/HNGĐPT ngày 07/4/2006, Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk nhận định *"Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay ông Lê Văn S và bà Nguyễn Thị L đều xác định diện tích 1.036 m^2 tại thôn 2, xã E, thành phố B là tài sản riêng của ông S không đưa vào tài sản chung của vợ chồng để chia..."*, quyết định: "*Ông Lê Đăng S được quyền sở hữu, sử dụng những tài sản gồm: 01 căn nhà khung gỗ ván tạp, diện tích 36m^2, tại thôn 2 xã E- Tp B, tọa lạc trên diện tích đất 1.036m^2 trong đó có 400m^2 đất ở và 636m^2 đất nông nghiệp liền kề có vị trí…Tạm giao cho ông Lê Đăng S diện tích 3.326 m^2 đất rẫy cà phê, trên đất có trồng 415 cây cà phê tại buôn Bông-xã E- Tp. B có vị trí...Ông S được quyền sử dụng diện tích 520 m^2 đất trồng lúa nước tại xã E- Tp. B có vị trí theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H 116704 do UBND Tp. B cấp ngày 23-11-1995".*

[3] Từ các tài liệu, chứng cứ nêu tại mục [1], [2] nêu trên, Hội đồng xét xử giám đốc thẩm thấy rằng ông S và bà L khi ly hôn đều xác định diện tích 1.036m^2 đất, thửa số 38, tờ bản đồ số 4, thôn 2, xã E, thành phố B không phải là tài sản chung vợ chồng nên không yêu cầu Tòa án chia đất. Nhận định và quyết định trong Bản án sơ thẩm số 52/2005/HNGĐ-ST ngày 09/11/2005 của Tòa án nhân dân

thành phố B và Bản án phúc thẩm số 07/2006/HNGĐ-PT ngày 07/4/2006 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk cũng không giải quyết chia quyền sử dụng diện tích 1.036m^2 đất, thửa số 38 nêu trên. Do đó, sau khi thụ lý vụ án *"Tranh chấp quyền sử dụng đất"* theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là bà Lê Thị L với bị đơn là vợ và các con của ông S, bà L, Tòa án thành phố B lại ban hành Quyết định số 196/2017/QĐST-DS ngày 28/9/2017 đình chỉ giải quyết vụ án dân sự và trả lại đơn khởi kiện cho bà L với lý do sự việc đã được giải quyết bằng bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật của Tòa án là không đúng, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà Lục, vì vậy, Hội đồng xét xử giám đốc thẩm chấp nhận Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 16/2019/KN-DS ngày 27/6/2019 của Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, hủy Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự và trả lại đơn khởi kiện nêu trên, giao hồ sơ cho Tòa án nhân dân thành phố B để giải quyết sơ thẩm lại vụ án theo đúng qui định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 337; Điều 343, Điều 345 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

1. Hủy toàn bộ Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự và trả lại đơn khởi kiện sè 196/2017/QĐST - DS ngày 28/9/2017 của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk;

2. Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk để giải quyết sơ thẩm theo đúng quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (02 bản kèm hồ sơ vụ án để giải quyết sơ thẩm lại theo đúng quy định của pháp luật);
- Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (để thi hành);
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng (để biết);
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu: Phòng lưu trữ; Phòng Giám đốc kiểm tra về DS-LĐ-KDTM và hồ sơ vụ án.

TM. ỦY BAN THẨM PHÁN
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Đặng Kim Nhân